

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2021/06/21	NEW PRODUCTION	DVBS-0487	Le Hong Quang	Phu Tan, Dao Ngoc Ha, Ngoc Tien		0.5 ≤, ≤ 6 ± 0.1
△							<, ≤ 30 ± 0.2
△							<, ≤ 120 ± 0.3
△							<, ≤ 400 ± 0.5

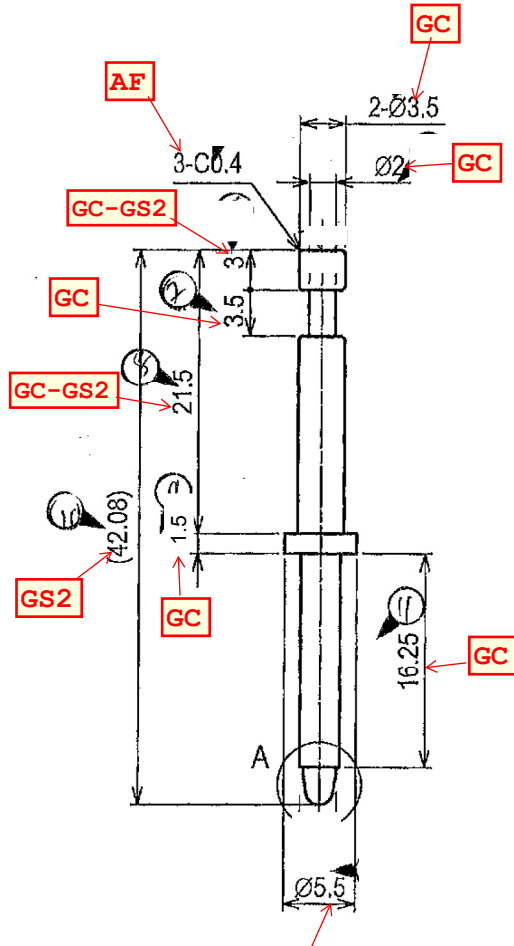
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k

FINISH MARKS

Ra 1.6

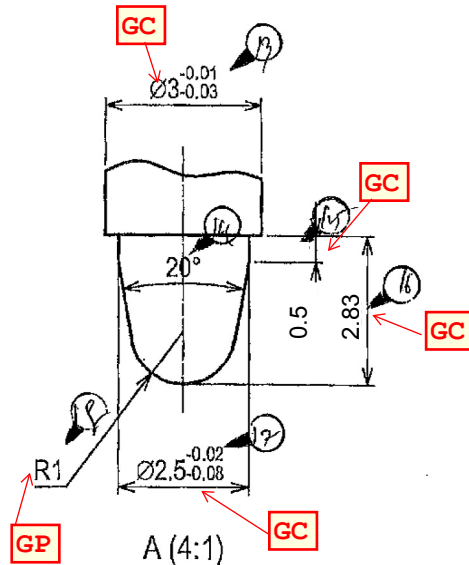
Not indicate

C0.2/R0.5 or less



GS1 Ø5.3*52

GC lăn xuyên qua vừa sáng Ø5.3



414 309 0003

414 308 0167

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Phuoc_Bao	SKD11		部品図	位置決めピン
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	POSITIONING PIN
Ha_Ngoc_Tien		1:1	部品図	位置決め
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Ha_Ngoc_Tien	HRC 58 ~02	A4V	2016/05/31	R419696

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **R419696**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø5.3*53	GS1:10 GC:120 GS2:10 GP:20 AF:10 KT